

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: **22/2021/HS-PT**
Ngày: 25/01/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hương.

Các Thẩm phán:

Ông Trần Duy Tuấn.

Ông Nguyễn Văn Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án Nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 341/2020/TLHS-PT ngày 09/11/2020 đối với bị cáo Trần Ngô Quốc V và đồng bọn về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và tội “*Cướp tài sản*”. Do có kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 315/2020/HS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo bị kháng cáo:

1. Trần Ngô Quốc V; Sinh năm 1978; Tại: Quảng Nam; Nơi cư trú: Khu 3, thị trấn Ái Ngh, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông: Trần Tr; Con bà: Ngô Thị S; Bị cáo có vợ Đỗ Thị Kim D (Đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm: 2003, con nhỏ sinh năm: 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25 tháng 3 năm 2005, bị Tòa án nhân dân thị xã Tam K, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. (Bản án số 14/HSST ngày 25/3/2005), bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/3/2020 cho đến nay – có mặt

2. Thạch Nh; Tên gọi khác: G; Sinh năm 1988; Tại: Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp Thạnh Th, xã Đông Th1, huyện Châu Th2, tỉnh Hậu Gi; Dân tộc: Khơ me;

Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Thạch S (đã mất); Con bà: Lê Thị N; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26 tháng 6 năm 2018, bị Công an phường Đông Hưng T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” với số tiền 1.500.000đồng, bị cáo đã nộp phạt ngày 26/6/2018.

Ngày 11 tháng 8 năm 2019, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố về tội “Đánh bạc”. Hiện vụ án đang được Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và chưa xét xử.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/3/2020 cho đến nay - Có mặt

3. Bùi Thị Thu H; Sinh năm 1981; Tại: Đắc Lắc; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giáo viên; Nơi cư trú: Thôn 3, xã Hòa T, thành phố Buôn Ma Th, tỉnh Đắc Lắc; Con ông: Bùi Văn H, Con bà: Trần Thị L; Bị cáo có chồng là Đặng Ngọc M (Đã ly hôn); Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm: 2002, con nhỏ sinh năm: 2009; Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2020 đến ngày 15/4/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh – Có mặt.

Bị hại: Chị Phí Thị Mỹ Ng, sinh năm 1989.

Địa chỉ: đường Đặng Thái T, phường Tân Th, thành phố Buôn Ma Th, tỉnh Đắc Lắc – có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Trần Quang B không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thị Thu H có thể chấp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) để vay tiền tại ngân hàng. Đến khoảng tháng 11 năm 2019, H nợ ngân hàng tổng số tiền 3.300.000.000 đồng (Ba tỷ ba trăm triệu đồng), đã quá thời hạn trả nợ nhưng chưa có tiền trả nên H có kể cho chị Phí Thị Mỹ Ng nghe. Sau đó, chị Ng giới thiệu cho H gặp anh Phan Trung K là người cho vay để đáo hạn ngân hàng, anh K đồng ý cho H vay số tiền 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng), số tiền còn lại H phải tự kiếm để trả cho ngân hàng. Tuy nhiên, khi H chưa mượn được tiền thì anh K nói để anh K trả hết tiền nợ của H cho ngân hàng nhưng sổ đỏ thì phải sang tên cho anh K, nếu H trả lại tiền thì anh K sẽ trả lại sổ đỏ cho H thì H đồng ý.

Quá trình làm thủ tục chuyển nhượng thì H bị bà Nguyễn Thị N khởi kiện đòi nợ tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, đồng thời đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ngăn chặn việc sang nhượng tài sản nên anh K đã trả cho bà Ng số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), để bà Ng rút đơn. H và anh K đã làm thủ tục sang tên 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

sang tên anh K. Sau đó, H thỏa thuận trả lại tiền cho anh K để lấy lại 03 sổ đỏ nhưng anh K yêu cầu H phải trả 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) mới trả lại sổ đỏ, thì H đồng ý. Khi H vay được tiền thì anh K lại đòi 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng) mới trả lại sổ đỏ nên H không đồng ý. Anh K và một số người kéo đến nhà H quấy phá bắt gia đình H ra khỏi nhà. H viết đơn tố giác anh K có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của H. Sự việc trên H kể lại cho Trần Ngô Quốc V (là bạn trai của H) biết và nhờ V giúp. Ngày 08 tháng 01 năm 2020, V rủ anh Hoàng Lâm Sơn V1 đi cùng và thuê Trần Quang B làm nghề chạy xe ô tô Grab với thỏa thuận tiền xe là 1.000.000 đồng/01 ngày để chở V và V1 đi từ Thành phố Hồ Chí Minh đến thành phố Buôn Ma Th, tỉnh Đắk Lắk để gặp H. Đến sáng ngày 09 tháng 01 năm 2020 thì V, V1 và B đến thành phố Buôn Ma Th. Cả nhóm thuê phòng ở tại khách sạn. Đến ngày 11 tháng 01 năm 2020 thì cả nhóm về nhà H để ở. Thời điểm này có Thạch Nh là bạn của V được V rủ đến và ở cùng với nhóm của V tại nhà H. Đến ngày 12 tháng 01 năm 2020 thì V1 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị Công an phường Tự A lập hồ sơ đưa đi cai nghiện bắt buộc. Đến ngày 13 năm 01 năm 2020, lúc nhóm của V đang ở nhà H, thì anh K, chị Ng dẫn khách tới xem nhà để bán. Sau đó, V gọi điện thoại cho K và Ng để gặp thương lượng nhưng K, Ng không chịu gặp nên V nói với H bắt Ng để làm rõ mọi chuyện, rồi trao đổi với Nh và B về việc sẽ theo dõi Ng xem nhà ở đâu để tìm cơ hội bắt giữ chị Ng. Đến chiều tối ngày 14 tháng 01 năm 2020, V nói B chở V và Nh đi theo chị Ng, thì phát hiện chị Ng ở trọ tại địa chỉ đường Lương Thế V, phường Tân T, thành phố Buôn Ma Th, tỉnh Đắk Lắk nên cả nhóm quay về nhà H. Buổi tối cùng ngày, H viết sẵn 01 tờ giấy với nội dung là 01 bản tường trình, trong đó nội dung là chị Ng thừa nhận việc cùng với anh K cho vay lãi nặng và lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của H, mục đích để H giao nộp đơn trình bày trên cho cơ quan công an rồi H đưa tờ giấy trên cho V giữ. Sau khi nói với H thì V nói với B và Nh ngủ sớm để ngày mai đến nhà trọ của chị Ng phục bắt chị Ng thì B và Nh đồng ý. Khoảng 06h00' ngày 15 tháng 01 năm 2020, B điều khiển xe Ô tô Chevrolet, biển kiểm soát 51G-514.18 chở V và Nh đến chờ trước nhà trọ của chị Ng, đến khoảng 08 giờ cùng ngày, khi phát hiện chị Ng đi bộ ra khỏi dãy trọ, chuẩn bị bắt xe ôm đi làm, thì V và Nh chạy đến nắm tay chị Ng kéo đến xe ô tô, mở cửa xe và đẩy chị Ng lên xe ô tô, ngồi ở hàng ghế sau, V và Nh ngồi hai bên không chế, lúc này chị Ng hét lên “Cứu cháu với cô Thanh ơi” thì bà Dương Thị Th và anh Nguyễn Bá T làm thợ xây ở gần đó chứng kiến, nhưng không kịp can thiệp, rồi B điều khiển xe ô tô chở V, Nh và chị Ng đi vòng trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột và sau đó đi về hướng thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk. Trên đường đi, chị Ng chống cự và hỏi “Các anh đưa tôi đi đâu”, V nói “Mày im mồm đi, cứ đi là biết”, lúc đó điện thoại di động loại Samsung Galaxy A5, màu vàng của chị Ng có người gọi đến nên đổ chuông, chị Ng lấy ra khỏi túi xách đang định nghe máy, thì Nh liền

giăng lấy và giữ chiếc điện thoại này, rồi V và Nh yêu cầu chị Ng tắt nguồn nhưng chị Ng không đồng ý, khi đi đến cổng chào thị xã Buôn Hồ thì điện thoại di động Samsung Galaxy A9, màu xanh của chị Ng cũng đổ chuông, chị Ng lại lấy ra khỏi túi xách định nghe máy, thì Nh lại tiếp tục giăng lấy, rồi tiếp tục yêu cầu chị Ng tắt máy nhưng chị Ng không đồng ý nên Nh đưa điện thoại di động này cho V giữ để tìm cách tắt nguồn, còn Nh vẫn giữ điện thoại di động Samsung Galaxy A5 để tắt nguồn và tắt được máy, rồi giữ chiếc điện thoại di động này. Còn V không tắt nguồn được điện thoại di động Samsung Galaxy A9, nên V để điện thoại di động của chị Ng trên sàn xe và sử dụng 01 gậy gỗ tròn, dài khoảng 40cm đập vào điện thoại di động Samsung Galaxy A9 của chị Ng làm cho điện thoại di động bị nứt màn hình nhưng vẫn hoạt động được, lúc này V yêu cầu chị Ng tắt nguồn, thì chị Ng nhập mật khẩu máy để tắt nguồn, rồi V vẫn giữ chiếc điện thoại di động này của chị Ng. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, B cho xe dừng lại ở bãi đất trống cách đường Quốc lộ 14 khoảng 03km vì thấy đoạn này vắng người qua lại. Tại đây, V sử dụng điện thoại di động loại Mobi Star, màu vàng, gắn sim điện thoại số 0937793060 gọi vào điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A30, màu đen, gắn 02 sim điện thoại số 0947810005 và 0848254569 của H thông báo cho H biết việc đã bắt được chị Ng chở xuống thị xã Buôn H và nói H chạy đến, còn B thì xuống xe sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50, màu xanh, gắn 01 sim điện thoại số 0908281026, nhắn tin vị trí nơi xe đang dừng qua mạng xã hội Zalo cho H biết để H chạy đến. Khi đợi H đến thì V và Nh đe dọa, dùng tay tát vào mặt, rồi yêu cầu chị Ng phải viết 01 đơn trình bày do sợ bị đánh nên chị Ng viết, nhưng viết chữ xấu, rồi B chụp hình tờ giấy của chị Ng viết, gửi qua Zalo cho H, đến khoảng 11h00' cùng ngày thì H điều khiển xe Mô tô biển kiểm soát 47B2-111.29 đến gặp nhóm của V. Lúc này H vào trong xe ngồi bên cạnh chị Ng ở hàng ghế sau, V và B thì ngồi ở phía trên, còn Nh thì ngồi trước mặt chị Ng, rồi H yêu cầu chị Ng viết lại đơn trình bày khác nhưng chị Ng không đồng ý, thì Nh dùng tay tát 02 cái vào mặt của chị Ng, còn H thì chửi và đe dọa chị Ng, yêu cầu chị Ng phải viết nhưng chị Ng không đồng ý thì H xuống xe nói nhóm của V chở chị Ng theo xe mô tô của H đến nhà rẫy của H tại thôn Quang Tr, xã Ea T, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk cách đó khoảng 30 km. Tại đây, H đi mua mực, bút và giấy rồi đưa cho chị Ng yêu cầu chị Ng viết, lúc này chị Ng viết 01 đơn trình bày theo yêu cầu của H. Sau khi chị Ng viết xong thì H nói nhóm của V chở chị Ng về, nhưng khi ra đến ngã ba 67, thuộc địa phận huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk, thì V và Nh xuống khỏi xe ô tô, lúc này V vẫn đang giữ điện thoại di động Samsung Galaxy A9 và Nh thì giữ điện thoại di động Samsung Galaxy A5 của chị Ng. Rồi V nói với H và B là sẽ đi thành phố Đà Nẵng để cho B chở chị Ng về. Trong xe ô tô chị Ng thấy V và Nh đã xuống xe nên nói với B là 02 điện thoại di động của chị Ng bị V và Nh lấy chưa trả lại, thì B hạ kính xe ô tô

xuống nói với V và Nh là “Trả lại điện thoại cho Ng đi” thì V nói “Mày cứ chờ nó về đi sẽ có người đem điện thoại trả cho nó sau”. Lúc này, H nghe thấy và mới biết việc chị Ng bị V và Nh lấy điện thoại, nhưng nghe V nói sẽ trả lại, nên H không nói gì mà H điều khiển xe Mô tô biển kiểm soát 47B2-111.29 đi về nhà. V và Nh đứng đợi đón xe đi thành phố Đà Nẵng, còn B thì chờ chị Ng về đến thành phố Buôn Ma Th, rồi chị Ng lấy lý do đi đón con, mượn điện thoại di động của B để liên lạc, lén gọi cho anh K đến chờ chị Ng đến Công an thành phố Buôn Ma Th trình báo sự việc. Còn V và Nh trên đường đi thành phố Đà Nẵng, V nói với Nh đưa điện thoại di động Samsung Galaxy A5 của chị Ng cho V giữ, thì Nh đưa chiếc điện thoại này cho V giữ cùng với chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A9. Sau đó, V và Nh không đi thành phố Đà Nẵng mà đón xe quay ngược về lại hướng Thành phố Hồ Chí Minh, khi đến tỉnh Bình Phước, thì V và Nh đến ở nhà người quen của V khoảng 02 ngày. Rồi cả hai biết tin H và B bị bắt nên cùng nhau đi về Thành phố Hồ Chí Minh, tại đây Nh và V chia tay nhau, 02 điện thoại di động của chị Ng thì V giữ, sau đó V làm mất 02 điện thoại di động này, rồi V đi về tỉnh Cà Mau sinh sống cho đến ngày bị bắt, còn Nh thì tiếp tục ở lại Thành phố Hồ Chí Minh, đến ngày 11 tháng 3 năm 2020 thì Nh đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Th đầu thú.

Sau khi chị Ng đến trình báo sự việc, Cơ quan điều tra đã triệu tập B, H đến làm việc và tạm giữ 01 tờ giấy có nội dung là bản tường trình; 01 điện thoại di động của H; 01 xe Ô tô biển kiểm soát 51G-514.18 và 02 điện thoại di động của B. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra trích xuất dữ liệu trong điện thoại di động của B thì có 01 File ghi âm có tên Thoại 001.m4a lúc 10h08’ ngày 15 tháng 01 năm 2020, dung lượng 19,94 MB thể hiện nội dung V và Nh đe dọa yêu cầu chị Ng viết giấy theo yêu cầu của V và Nh; 01 đoạn video thể hiện thời gian quay lại thời điểm 11 giờ 16 phút, ngày 15 tháng 01 năm 2020, có độ dài 14 phút 20 giây, dung lượng 1,73GB, thể hiện nội dung chị Ng bị các đối tượng H, B, Nh và V giữ trên xe ô tô của B, bị Nh dùng tay tát nhiều cái vào mặt để ép buộc viết giấy theo nội dung H yêu cầu.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 315/2020/HS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã tuyên xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Ngô Quốc V 01 năm 3 tháng về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và 03 năm 06 tháng về tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Thạch Nh 01 năm tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và 03 năm 06 tháng về tội “Cướp tài sản”

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Thị Thu

H 01 năm 3 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 2 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Quang B 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Các biện pháp tư pháp:

Chấp nhận bị cáo Trần Quang B đã tự nguyện bồi thường cho chị Phí Thị Mỹ Ng số tiền 5000.000đồng.

Buộc bị cáo Trần Ngô Quốc V phải bồi thường cho chị Phí Thị Mỹ Ng số tiền 7.300.000đồng (Bảy triệu ba trăm ngàn đồng)

Buộc bị cáo Thạch Nh phải bồi thường cho chị Phí Thị Mỹ Ng số tiền 7.300.000đồng (Bảy triệu ba trăm ngàn đồng)

Buộc bị cáo Bùi Thị Thu H phải bồi thường cho chị Phí Thị Mỹ Ng số tiền 3.300.000đồng (Ba triệu ba trăm ngàn đồng)

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Trần Quang B, về xử lý vật chứng; án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/9/2020, bị hại có đơn kháng cáo cho rằng các bị cáo phạm tội có tổ chức, đề nghị tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Trần Ngô Quốc V, Thạch Nh, Bùi Thị Thu H; hành vi của Bùi Thị Thu H có vai trò đồng phạm về tội “Cướp tài sản” và không cho bị cáo Bùi Thị Thu H hưởng án treo; đề nghị tăng mức bồi thường theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Nh dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trần Ngô Quốc V; Thạch Nh về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 BLHS; xét xử các bị cáo Bùi Thị Thu H, Trần Quang B về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Nội dung kháng cáo của người bị hại là không có căn cứ, bởi lẽ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ mang tính đồng phạm giản đơn. Việc các bị cáo Trần Ngô Quốc V, Thạch Nh chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại di động của chị Ng thì Bùi Thị Thu H không biết. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với từng bị cáo là phù hợp. Người bị hại không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh thiệt

hại thực tế do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường của người bị hại.

Người bị hại vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong đơn kháng cáo. Các bị cáo không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo Trần Ngô Quốc V, Thạch Nh, Bùi Thị Thu H, Trần Quang B tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Do nghi ngờ chị Ng cùng anh Phan Trung K có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Bùi Thị Thu H nên Trần Ngô Quốc V nói với H, Thạch Nh và B là bắt Ng để làm rõ mọi chuyện thì tất cả đồng ý. Sau khi theo dõi để biết nơi ở của chị Ng, vào ngày 15 tháng 01 năm 2020, Trần Ngô Quốc V và Thạch Nh đã bắt chị Ng lên xe ô tô do Trần Quang B điều khiển chở về hướng thị xã Buôn H. Trên đường đi, 02 điện thoại di động Samsung Galaxy của chị Ng có người gọi đến, chị Ng lấy ra khỏi túi xách định nghe máy, thì Nh giằng lấy. V và Nh mỗi người giữ 01 điện thoại di động của chị Ng. Sau đó, V điện thoại thông báo cho H biết. Bùi Thị Thu H đã đến gặp nhóm của V. H yêu cầu chị Ng viết lại đơn trình bày khác nhưng chị Ng không đồng ý, thì H xuống xe nói V chở chị Ng đến nhà rẫy của H tại thôn Quang Tr, xã Ea T, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk rồi H ép chị Ng viết 01 đơn trình bày theo nội dung H yêu cầu. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì Trần Quang B chở chị Ng về lại thành phố Buôn Ma Th. Các bị cáo Trần Ngô Quốc V và Thạch Nh về lại Thành phố Hồ Chí Minh và tiếp tục giữ 02 chiếc điện thoại di động không trả lại cho chị Ng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trần Ngô Quốc V; Thạch Nh về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 BLHS; xét xử các bị cáo Bùi Thị Thu H, Trần Quang B về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về nội dung kháng cáo cho rằng các bị cáo phạm tội có tính tổ chức và bị cáo Bùi Thị Thu H còn đồng phạm về tội “cướp tài sản”: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, hành vi của các bị cáo chỉ mang tính đồng phạm giản đơn vì không có người chỉ huy, không phân công vai trò, nhiệm vụ cụ thể cho từng bị cáo.... Khi bị cáo Trần Ngô Quốc V và bị cáo Thạch Nh chiếm đoạt điện thoại của chị Ng thì bị cáo H không biết. Trên đường về, bị cáo H nghe bị cáo B nói trả điện

thoại cho chị Ng nên bị cáo H mới biết, bị cáo H cũng nghe bị cáo V nói sẽ trả lại điện thoại cho chị Ng. Lúc này, tội phạm đã hoàn thành nên bị cáo H không đồng phạm với bị cáo Trần Ngô Quốc V và bị cáo Thạch Nh về tội Cướp tài sản.

- *Về nội dung kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt của các bị cáo:*

Đối với tội “Cướp tài sản”: Bị cáo Trần Ngô Quốc V và bị cáo Thạch Nh chiếm đoạt tài sản của chị Ng trị giá 8.000.000 đồng. Vai trò của các bị cáo là như nhau. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Ngô Quốc V và bị cáo Thạch Nh cùng mức án 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối với tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”: Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Ngô Quốc V 01 năm 03 tháng tù. Xử phạt bị cáo Thạch Nh 01 năm tù. Xử phạt bị cáo Bùi Thị Thu H 01 năm 03 tháng tù và xử phạt bị cáo Trần Quang B 01 năm tù là chưa tương xứng vai trò, mức độ và nhân thân của từng bị cáo. Bởi lẽ: Bị cáo Trần Ngô Quốc V là người khởi xướng việc bắt giữ chị Ng, đồng thời là người thực hành tích cực, nhân thân xấu nhưng mức án của bị cáo bằng bị cáo Bùi Thị Thu H là chưa phù hợp. Bị cáo Thạch Nh tham gia tích cực, nhân thân xấu, nhưng mức án bằng bị cáo B (chỉ tham gia với vai trò giúp sức, nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, nhân thân tốt, đã tự nguyện bồi thường cho bị hại), và thấp hơn bị cáo H (có nhân thân tốt, nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS hơn) cũng là không phù hợp. Do đó, cần tăng mức hình phạt đối với bị cáo V và bị cáo Nh cho tương xứng với vai trò, mức độ phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo.

- *Về nội dung kháng cáo không cho bị cáo Bùi Thị Thu H được hưởng án treo:* Bị cáo H không phải là người khởi xướng việc bắt giữ chị Ng. Nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo H đồng ý để các bị cáo khác bắt, giữ chị Ng là do nghi ngờ chị Ng cùng Phan Trung K có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo H, khi anh K không có thiện chí cho bị cáo H chuộc lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị Ng cùng anh K dắt người đến nhà bị cáo H để xem mua. Việc bắt giữ chị Ng cũng chỉ nhằm mục đích bắt chị Ng viết tường trình theo yêu cầu của bị cáo H để giao nộp cơ quan Công an. Quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hoàn cảnh bị cáo đã ly hôn và đang nuôi hai con nhỏ. Cấp sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo là không trái quy định của pháp luật, có xem xét đến hoàn cảnh riêng của bị cáo. Việc cho bị cáo H hưởng án treo thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật và cũng có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo.

- *Về nội dung kháng cáo đề nghị tăng mức bồi thường:* Chị Ng bị đánh bằng tay và không bị thương tích, không nằm điều trị tại bệnh viện. Cấp sơ thẩm buộc bị cáo Trần Ngô Quốc V và bị cáo Thạch Nh bồi thường giá trị 02 chiếc điện thoại di động đã chiếm đoạt, buộc các bị cáo V, Nh, B, H bồi thường tổn thất về tinh

thần cho chị Ng tương ứng với 10 tháng lương cơ bản là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Ng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Do đó, không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo đề nghị tăng mức bồi thường.

Từ những phân tích nêu trên, cần sửa một phần bản án Hình sự sơ thẩm theo hướng đã phân tích.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;
Chấp nhận một phần nội dung đơn kháng cáo của bị hại Phí Thị Mỹ Ng. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 315/HS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

Tuyên xử:

1.1 Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Ngô Quốc V 01 năm 06 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 05 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giam, ngày 27 tháng 3 năm 2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Thạch Nh 01 năm 03 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 04 năm 09 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giam, ngày 11 tháng 3 năm 2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Thu H 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách, giao bị cáo Bùi Thị Thu H cho Ủy ban nhân dân xã Hòa T, thành phố Buôn Ma Th, Đắk Lắk để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Bùi Thị Thu H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

1.2 Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 587, 589, khoản 2 Điều 590 và khoản 2 Điều 592 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận việc bị cáo Trần Quang B đã tự nguyện bồi thường cho chị Phí Thị Mỹ Ng số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo Trần Quang B không còn phải bồi thường thêm.

Buộc bị cáo Trần Ngô Quốc V phải bồi thường cho chị Phí Thị Mỹ Ng số tiền 7.300.000 đồng (Bảy triệu ba trăm ngàn đồng).

Buộc bị cáo Thạch Nh phải bồi thường cho chị Phí Thị Mỹ Ng số tiền 7.300.000 đồng (Bảy triệu ba trăm ngàn đồng).

Buộc bị cáo Bùi Thị Thu H phải bồi thường cho chị Phí Thị Mỹ Ng số tiền 3.300.000 đồng (Ba triệu ba trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Áp dụng khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Phí Thị Mỹ Ng không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. Buôn Ma Th;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hương